

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 01/ 2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 10/01/2019.

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thành Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hồng.

2. Bà Đặng Thị Thanh Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khánh– Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Ea Súp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:19/2018/QĐXX-ST ngày 07 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số:181/2018 ngày 25/12/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Loan T, sinh năm 1991 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Văn N (Vắng mặt lần thứ hai)

Đại chỉ: 16 Đ, thị trấn B, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; Bản tự khai và biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Bùi Loan T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N chung sống với nhau từ năm 2012, có tổ chức lễ cưới theo phong tục có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/4/2012, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống, nên dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã, đồng thời anh N lao vào con đường nghiện ngập, chị T đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không được. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 6/2016 cho đến nay. Nay mâu thuẫn đã qua trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm nữa, không thể chung sống với nhau được nữa nên chị T kiên

quyết xin được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đặng Nam Bảo L, sinh ngày 17/10/2012. Chị T có nguyện vọng xin được nuôi cháu L cho đến tuổi trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn khởi kiện; Bản tự khai và biên bản lấy lời khai , biên bản hòa giải bị đơn bị đơn anh Đặng Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn như lời trình bày của chị T là đúng, vợ chồng anh N trong cuộc sống cũng có xảy ra một số mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình quan điểm không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không có sự quan tâm chia sẻ, trước đó anh N có nghiện ma túy nhưng đã cai được. Vợ chồng anh N đã sống ly hôn với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Anh N thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình chưa tới mức phải dẫn đến ly hôn. Anh còn thương yêu vợ con anh muốn đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con cái. Vì vậy anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày là đúng. Anh N có nguyện vọng xin được nuôi cháu L cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Anh N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ kiện, Tòa án huyện Ea Súp đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Bùi Loan T và anh Đặng Văn N khi còn sinh sống tại số 16 Đ, thị trấn B, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Qua xác minh tại địa phương thì được biết chị T và anh N phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016, vợ chồng hay cãi vã nhau lẫn nhau, anh N đánh vào con đường nghiện ma túy bị đưa đi trại cai nghiện, sau đó trở về địa phương nhưng vẫn không thay đổi tiếp tục nghiện ma túy. Chị T và anh N đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, các lần hòa giải bản thân chị T nhất quyết xin được ly hôn với anh N, còn anh N cho rằng tình cảm giữa anh N với chị T vẫn còn, mâu thuẫn gia đình chỉ là mâu thuẫn nhỏ nên anh N không đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung thì cả anh N và chị T đều có nguyện vọng nuôi con chung là cháu Đặng Nam Bảo L. Do các bên đương sự không thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án vì vậy Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Ra quyết định xét xử, tổng đạt hợp lệ quyết định xét xử và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ

tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn chấp hành nhưng tại phiên bị đơn anh N không chấp hành quy định của pháp luật, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Vụ kiện giữa nguyên đơn chị Bùi Loan T và bị đơn anh Đặng Văn N là vụ kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh N mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn chị T và bị đơn anh N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tòa án nhận thấy chị Bùi Loan T và anh Đặng Văn N kết hôn trên cơ sở tình yêu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/4/2012 theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, do bất đồng về quan điểm sống, lối sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, anh N nghiện ma túy không lo làm ăn, ham chơi. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay và tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Chị T kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh N. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu cứ kéo dài hôn nhân của các bên cũng không thể mang lại hạnh phúc cho nhau. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân & Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh N là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị T và anh N thống nhất có một con chung là Đặng Nam Bảo L, sinh ngày 17/10/2012. Khi ly hôn chị T và anh N đều có nguyện vọng nuôi cháu L.

Để đảm bảo ổn định cuộc sống và các điều kiện phát triển tinh thần của cháu L. Giữa chị T và anh N không thống nhất được về việc nuôi con khi ly hôn nên Hội đồng xét xử quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Về điều kiện nuôi con thì xét thấy chị T đủ điều kiện nuôi con còn anh N là đối tượng nghiện ma túy, không có công việc ổn định. Hiện nay cháu L đang ở với chị T. Hội đồng xét xử nhận thấy nên giao cháu L cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và điều kiện thực tế.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy chị T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung..

[6] Về chia tài sản và nợ: Chị T và anh N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này về phần chia tài sản và phần nợ. Tuy nhiên, nếu sau này giữa có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình: Anh N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 47 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, Điều 203 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân & Gia đình; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: - *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Bùi Loan T được ly hôn với anh Đặng Văn N

- *Về nuôi con chung*: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Bùi Loan T. Giao cho chị Bùi Loan T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Đặng Nam Bảo L, sinh ngày 17/10/2012 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- *Về án phí*: Chị Bùi Loan T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0006450 ngày 01/8/2018.

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- VKS huyện EaSúp;
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện E;
- UBND thị trấn B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Trương Thành Huế